

Án số: 09/2025/HS-ST
Ngày: 07- 02 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Xuân
- Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Đỗ Thị Hiên
- Bà Bùi Thị Ngoan

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 103/2024/HSST ngày 28/11/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXST ngày 26/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐ- HSST ngày 09/01/2025 đối với:

1. **Bị cáo Đoàn Văn N**, sinh ngày 04/7/1984 tại tỉnh Thái B; Nơi cư trú: thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái B.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn L (đã chết), con bà Nguyễn Thị V; Vợ: chị Trần Thị D, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Bị hại: Ông Đoàn Thanh B, sinh năm 1965, có mặt

Nơi cư trú: thôn D, xã M, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Phạm Văn Thảo - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

3.1. Ông Lương Ngọc H, sinh năm 1962, địa chỉ: thôn D, xã M, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B, vắng mặt

3.2. Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1958, địa chỉ: thôn D, xã M, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B, vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1964, vắng mặt

- Ông Lương Ngọc H, sinh năm 1962, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn D, xã M, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B.

- Anh Vũ Thanh T, sinh năm 1982, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo N và ông B có mối quan hệ họ hàng với nhau. Giữa gia đình bị cáo N và gia đình ông B có mâu thuẫn, tranh chấp về quyền sử dụng đất 5% tại thửa đất số 258 xứ đồng Ninh Giang thuộc thôn D, xã M, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B từ năm 2012 cho đến nay. Khoảng 14 giờ ngày 12/7/2024, ông B ra phần đất đang tranh chấp, đối diện với cổng nhà bị cáo N để dịch chuyển hàng rào dây thép B40. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, ông B thấy anh Tú (*anh T là công nhân đang thi công đường liên xã M - Quang B*) lái máy xúc đi qua nên ông B nhờ anh T đóng hộ cọc bê tông hàng rào để tiến hành chằng lưới thép. Lúc này, bị cáo N đang ở trong nhà mình nhìn thấy anh T điều khiển máy xúc đóng cọc bê tông trên phần đất đang tranh chấp giữa ông B và bị cáo N nên đi ra yêu cầu anh T dừng việc đóng cọc. Anh T dừng lại và điều khiển máy xúc rời đi về nơi tập kết. Sau đó, ông B và bị cáo N có xảy ra tranh cãi nhau, bị cáo N chửi ông B, nhưng ông B không nói gì nên bị cáo N đi về nhà. Ông B tiếp tục dùng xẻng đào đất lên để chôn cọc bê tông. Khi bị cáo N về đến cổng nhà mình, quay lại nhìn thấy ông B vẫn đang tiếp tục đào đất ở phần đất đang tranh chấp, bị cáo N quay lại để ngăn cản. Khi bị cáo N đi bộ đến vị trí của ông B thì nhìn thấy một chiếc búa bằng sắt (*kích thước 14,5 x 14,5 x 5cm*), cán búa bằng tre (*dài 73cm, đường kính 03cm*) do anh Sóng sử dụng để đập cột bê tông lầy sắt đang để ở đường. Bị cáo N nhặt chiếc búa lên, cầm bằng hai tay đi đến phía trước, cách vị trí của ông B khoảng 01m (*lúc này ông B đang trong tư thế khom lưng để đào đất, trên đầu đang đội mũ, loại mũ cối*). Bị cáo N dùng hai tay giơ búa lên đánh 01 cái hướng từ trên xuống dưới trúng vào mũ cối vùng bên phải làm chiếc mũ cối ông B đang đội trên đầu văng ra, rơi xuống đất, đồng thời cán búa trượt xuống vai ông B. Sau đó, ông B sử dụng chiếc xẻng đang đào đất, giơ lên để tự vệ. Thấy vậy, bị cáo N không đánh ông B nữa, cầm búa đi về. Khi đến cổng nhà mình, bị cáo N vớt chiếc búa ở khu vực trước cổng rồi đứng lại xem tình trạng của ông B.

Lúc này, ông H thấy ông B bị thương ở vùng đầu, ông H đến cởi áo của ông B ra bịt vào vết thương cho ông B. Ông B một tay giữ áo để bịt vết thương còn một tay cầm xẻng vào nhà ông H1 để trả. Lúc này, ông H điều khiển xe mô tô đến thấy ông B đang đứng trong sân nhà ông H1 nên gọi ông B ra và chở ông B đến Trạm y tế xã Quang Minh, Kiến Xương để sơ cứu vết thương. Sau khi khâu vết thương, ông H dùng xe mô tô chở ông B về nhà. Khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, Công an xã M làm việc và yêu cầu ông B đi chữa trị thương tích. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, ông B đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái B để nhập viện điều trị thương tích từ ngày 12/7/2024 đến ngày 22/7/2024 được xuất viện. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với ông B là 09%.

* Bản kết luận giám định số 443/KLTTCT-TTP, ngày 16/8/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái B. Phần kết luận ghi:

Các kết quả chính:

Vùng thái dương phải có sẹo nhỏ.

Chảy máu dưới nhện thái dương phải không còn trên chẩn đoán hình ảnh.

Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với ông Đoàn Thanh B tại thời điểm giám định là 9% (chín phần trăm).

- Thương tích nghe kém hai tai chưa cho điểm tỷ lệ vì chưa xác định được nguyên nhân.

- Đề nghị giám định bổ sung.

Ngày 25/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kiến Xương ra Quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định bổ sung đối với ông Đoàn Thanh B.

* Bản kết luận giám định bổ sung số 7409/KL-KTHS ngày 04/10/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

Các kết quả chính: Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định và khám chuyên khoa, xác định ông Đoàn Thanh B có nghe kém tiếp nhận mức độ nhẹ cả hai tai là bệnh lý không phải do chấn thương gây nên.

Kết luận: Không xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể và cơ chế hình thành thương tích đối với nghe kém tiếp nhận mức độ nhẹ cả hai tai của ông Đoàn Thanh B vì không phải do chấn thương gây nên.

Về trách nhiệm dân sự: tại giai đoạn điều tra, truy tố ông B và bị cáo N thỏa thuận bồi thường các khoản chi phí, chữa trị thương tích, tổn thất tinh thần và các khoản chi phí khác với số tiền 100.000.000 đồng. Bị cáo N đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại nhưng chưa thực hiện việc bồi thường. Ngày 08/01/2025 và ngày 05/02/2025 bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng bồi thường sức khỏe cho ông B tại Cơ quan thi hành án huyện Kiến Xương. Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, đã bồi thường 50.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án do đó bị cáo tiếp tục bồi

thường số tiền 50.000.000đồng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án:

- 01 búa bằng sắt, nặng 3,5kg, kích thước (14,5 x 14,5 x 5,5)cm, phần cán bằng tre, hình trụ tròn, dài 73cm, đường kính 3,5cm và 01 chiếc xẻng dài 110cm, lưỡi bằng sắt, kích thước (30 x18)cm, phần cán bằng tre, hình trụ tròn, đường kính 4,5cm chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương quản lý theo thẩm quyền.

Tại Bản Cáo trạng số 106/CT-VKSKX ngày 27/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B đã truy tố bị cáo Đoàn Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn N phạm tội: “Cố ý gây thương tích”

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn N mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585 và 591 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 72.778.566đồng, chấp nhận việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường tổng số tiền 50.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án huyện Kiến Xương, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 22.778.566 đồng.

Về xử lý vật chứng: Trả lại ông H 01 búa bằng sắt, nặng 3,5kg, kích thước (14,5 x 14,5 x 5,5)cm, phần cán bằng tre, hình trụ tròn, dài 73cm, đường kính 3,5cm

Trả lại ông B 01 chiếc xẻng dài 110cm, lưỡi bằng sắt, kích thước (30 x18)cm, phần cán bằng tre, hình trụ tròn, đường kính 4,5cm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không đồng ý với tội danh cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo N mà cho rằng hành vi của bị cáo đủ dấu hiệu của

tội giết người và căn cứ điểm c khoản 6 Điều 326, Điều 85, điểm đ khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 5 Thông tư số 05/2017, đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra về tội giết người.

NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của người làm chứng (ông Phạm Quốc T, sinh năm 1964, trú tại thôn D, xã M, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B; ông Lương Ngọc H, sinh năm 1962, trú tại thôn D, xã M, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B; anh Vũ Thanh T, sinh năm 1982, trú tại thôn T, xã T, huyện K đơn tố giác, lời khai của bị hại là ông Đoàn Thanh B, sinh năm 1965, trú tại thôn D, xã M, huyện Kiến; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương lập hồi 08 giờ 00 phút ngày 24/9/2024; Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các chứng cứ sau đây: Bản kết luận giám định số 443/KLTTCT-TTP, ngày 16/8/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái B; Bản kết luận giám định bổ sung số 7409/KL-KTHS ngày 04/10/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ những căn cứ nêu trên có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 17 giờ ngày 12/7/2024, tại khu vực ngã ba thuộc thôn D, M, Kiến Xương, Thái B, do phát sinh mâu thuẫn về việc tranh chấp đất đai giữa ông B với bị cáo N dẫn đến bị cáo N dùng búa bằng sắt đánh 01 cái vào vùng mũ cối bên phải ông B đang đội trên đầu. Hậu quả ông B bị thương tích vùng đầu phải điều trị tại bệnh viện, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 09%.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Đoàn Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Điều 134: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác - Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a, Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

....

[4] Xét tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội thấy: Hành vi bị cáo N dùng búa gây thương tích cho ông B là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội đồng thời thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh, mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo và răn đe tội phạm nói chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại tổng số tiền 50.000.000đồng - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ngoài hành vi phạm tội lần này thì bị cáo không có vi phạm pháp luật nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc để bị cáo cải tạo ngoài xã hội không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo và sửa chữa sai lầm, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật, chính sách KH1 hồng của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

[6] Phần tranh luận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không đồng ý với tội danh cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo N mà cho rằng hành vi của bị cáo đủ dấu hiệu của tội giết người và đề nghị trả hồ sơ để điều tra về tội giết người. Đại diện Viện kiểm sát cho rằng mặc dù bị cáo dùng búa đập 01 vào vùng đầu bên phải của bị hại khi đó trên đầu bị hại đang đội mũ cối, sau đó bị

cáo không tiếp tục tấn công bị hại nữa, bị cáo không có ý định tước đoạt tính mạng của bị hại do đó không có căn cứ truy tố bị cáo về tội giết người và không có căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung. Căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ xét xử bị cáo về tội giết người do đó không có căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản chi phí gồm: chi phí khám và chữa bệnh, bồi thường sức khỏe, phục hồi sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất của bị hại và người chăm sóc, bồi dưỡng tổn thất về tinh thần của bị hại với tổng số tiền là 100.000.000đồng gồm tiền viện phí, tiền thuốc, ngày công không lao động, bồi dưỡng và phục hồi sức khỏe, ngày công chăm sóc. Ngày 08/01/2025 bị cáo tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng và ngày 05/02/2025 nộp số tiền 20.000.000đồng bồi thường sức khỏe tại Cơ quan thi hành án huyện Kiến Xương theo biên lai thu tiền số 0001340 ngày 08/01/2025 số 0001343 ngày 05/02/2025. Về các thiệt hại của người bị hại, HĐXX xét thấy, chỉ chấp nhận các chi phí gồm:

- Chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái B từ ngày 12/7/2024 đến ngày 22/7/2024 và tiền thuốc, tổng là 11.778.566 đồng.

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe: qua xác minh tại địa phương thì thu nhập trung B của người lao động tự do là 300.000 đồng/ngày. Ông B điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái B từ 12/7/2024 đến 22/7/2024 do đó tiền bồi dưỡng sức khỏe là 300.000đồng/ngày x 10 ngày = 3.000.000.đồng.

- Tiền phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút: 300.000đồng/ngày x 10 ngày = 3.000.000 đồng.

- Thu nhập thực tế bị mất, giảm sút: 300.000đồng/ngày x 10 ngày = 3.000.000đồng

- Tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: căn cứ vào nội dung sự việc, tỉ lệ tổn thương cơ thể (9%) cũng như mất mát về tinh thần mà ông B bị thiệt hại thì Tòa án chỉ chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho bị hại với mức bằng 15 lần mức lương cơ sở = 36.000.000 đồng.

- Tiền chi phí đối với người chăm sóc trong thời gian điều trị ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái B là 3.000.000đồng.

- Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc: Ông B điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái B từ 12/7/2024 đến 22/7/2024, tổng là 10 ngày có người chăm sóc trong thời gian điều trị. Căn cứ vào bảng lương, xác nhận thu nhập của Công

ty cổ phần công nghệ C+, địa chỉ: số 1, ngõ 31, đường 18M, phường mộ lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, mức thu nhập của người chăm sóc là 40.000.000đồng/tháng. Vì vậy Tòa án chỉ chấp nhận bị cáo phải bồi thường cho ông B thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong 10 ngày là 13.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585 và 590 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo N phải bồi thường cho bị hại số tiền 72.778.566đồng. Bị cáo N đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền 22.778.566đồng

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 búa bằng sắt, nặng 3,5kg, kích thước (14,5 x 14,5 x 5,5)cm, phần cán bằng tre, hình trụ tròn, dài 73cm, đường kính 3,5cm là tài sản của ông Lương Ngọc H cho anh Sóng mượn để đập cột bê tông lấy sắt rồi để ở mặt đường sau đó bị cáo N sử dụng chiếc búa trên đánh gây thương tích cho ông B, ông H đề nghị trả lại chiếc búa trên cho gia đình ông vì vậy trả lại cho ông H chiếc búa trên cho ông H theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 chiếc xẻng dài 110cm, lưỡi bằng sắt, kích thước (30 x18)cm, phần cán bằng tre, hình trụ tròn, đường kính 4,5cm là tài sản của ông H1, ông H1 cho ông B mượn, sau đó ông B đã trả tiền giá trị chiếc xẻng cho ông H1, ông B đề nghị trả lại chiếc xẻng trên vì vậy trả lại chiếc xẻng trên cho ông B theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 48, Điều 50 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, Điều 584; Điều 585; Điều 590 Bộ luật Dân sự, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Văn N phạm tội " Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn N 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/02/2025.

Giao bị cáo Đoàn Văn N cho Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Đoàn Văn N phải bồi thường cho ông Đoàn Thanh B số tiền 72.778.566 đồng. Chấp nhận việc bị cáo N đã tự nguyện nộp tổng số tiền 50.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số số 0001340 ngày 08/01/2025 và số 0001343 ngày 05/02/2025 tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, bị cáo Đoàn Văn N còn phải tiếp tục bồi thường sức khỏe cho ông Đoàn Thanh B số tiền 22.778.566 (*Hai mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi sáu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.”

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Trả lại ông Lương Ngọc H 01 búa bằng sắt, nặng 3,5kg, kích thước (14,5 x 14 x 5,5)cm, phần cán bằng tre, hình trụ tròn, dài 73cm, đường kính 3,5cm (búa đã qua sử dụng)

4.2. Trả lại ông Đoàn Thanh B 01 chiếc xẻng dài 110cm, lưỡi bằng sắt kích thước (30 x 18)cm, phần cán bằng tre hình trụ tròn, đường kính 4,5cm (xẻng đã qua sử dụng).

(theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương

5. Bị cáo Đoàn Văn N phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.138.928 (*Một triệu một trăm ba mươi tám nghìn chín trăm hai mươi tám*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện KX;
- VKSND tỉnh Thái B;
- Công an huyện KX;
- Chi cục THADS huyện KX;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân